



UBND TỈNH ĐỒNG NAI
SỞ XÂY DỰNG

Số: /GCN-SoXD

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Đồng Nai, ngày tháng năm 2025

GIẤY CHỨNG NHẬN
ĐỦ ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG THÍ NGHIỆM
CHUYÊN NGÀNH XÂY DỰNG

Căn cứ Nghị định 150/2025/NĐ-CP ngày 12/06/2025 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; Nghị định 144/2025/NĐ-CP ngày 12/06/2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý Nhà nước của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 62/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ Quy định về điều kiện hoạt động giám định tư pháp xây dựng và thí nghiệm chuyên ngành xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Nghị định 175/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ hướng dẫn Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng;

Xét hồ sơ đăng ký cấp mới Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng của Công ty Cổ phần Tư vấn và Xây dựng số 01 Sài Gòn kèm theo thủ tục hành chính (mã hồ sơ: Mã số hồ sơ: H19.14-250718-7114 ngày 18 tháng 7 năm 2025; Thời gian trả kết quả: ngày 08 tháng 8 năm 2025) của Bộ phận tiếp nhận hồ sơ - Sở Xây dựng - Trung tâm hành chính công tỉnh;

Xét Biên bản đánh giá phòng thí nghiệm chuyên ngành xây dựng ngày 17/4/2025 của Đoàn đánh giá Sở Xây dựng tỉnh Đồng Nai;

CHỨNG NHẬN

1. CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VÀ XÂY DỰNG SỐ 01 SÀI GÒN:

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (Giấy phép đầu tư) số 3602421988 cấp lần đầu vào ngày 20 tháng 12 năm 2010 và đăng ký thay đổi lần 2, ngày 25 tháng 9 năm 2023, cơ quan cấp Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai.

Địa chỉ: Số 35, Lô A, Phường Trần Biên, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam.

Điện thoại: 02513869310 – 0908294410.

Tên phòng thí nghiệm: Phòng thí nghiệm kiểm định xây dựng.

Địa chỉ phòng thí nghiệm: 60S1, Đường Lê Thị Vân, Phường Trần Biên, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam.

Đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng với các chỉ tiêu thí nghiệm nêu trong bảng danh mục kèm theo Giấy chứng nhận này.

2. Mã số phòng thí nghiệm: **LAS - XD DON 01**

3. Giấy chứng nhận này có hiệu lực 05 năm kể từ ngày ký.

4. Tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng chịu trách nhiệm về tính chính xác, hợp pháp của hồ sơ và nội dung kê khai trong đơn; hành nghề hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng theo đúng nội dung ghi trong Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng được cấp và tuân thủ các quy định của pháp luật có liên quan./.

Nơi nhận:

- Công ty CP TV và XD số 01 Sài Gòn;
- Bộ Xây dựng;
- TTHCC tỉnh;
- Ban Giám đốc Sở;
- VP đăng thông tin (website Sở);
- Lưu: VT, QLCLXD.Trường

**KT.GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Nguyễn Văn Lâm

PHỤ LỤC
DANH MỤC CÁC CHỈ TIÊU THÍ NGHIỆM ĐĂNG KÝ ĐỦ ĐIỀU KIỆN
HOẠT ĐỘNG CỦA PHÒNG THÍ NGHIỆM KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG
(LAS - XD DON 01

(Kèm theo Giấy chứng nhận số: /GCN-SoXD, ngày tháng năm 2025
của Sở Xây dựng)

STT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật *	Ghi chú
I	THỬ NGHIỆM HỖN HỢP BÊ TÔNG VÀ BÊ TÔNG NẶNG		
1.	Lấy mẫu, bảo dưỡng mẫu	TCVN 3105:2022	
2.	Xác định độ sụt của hỗn hợp bê tông	TCVN 3106:2022	
3.	Xác định khối lượng thể tích hỗn hợp bê tông	TCVN 3108:1993	
4.	Thí nghiệm phân tích thành phần hỗn hợp bê tông	TCVN 3110:2022	
5.	Xác định khối lượng riêng và độ rỗng	TCVN 3112:2022	
6.	Xác định độ hút nước của bê tông	TCVN 3113:2022	
7.	Xác định khối lượng thể tích bê tông	TCVN 3115:2022	
8.	Xác định giới hạn bền khi nén của bê tông	TCVN 3118:2022	
9.	Xác định giới hạn bền kéo khi uốn	TCVN 3119:2022	
10.	Xác định giới hạn bền kéo dọc trục khi bẻ	TCVN 3120:2022	
11.	Xác định cường độ lắng trụ	TCVN 5726:2022	
12.	Xác định cường độ bê tông trên mẫu lấy từ kết cấu	TCVN 12252:2020	
II	THỬ NGHIỆM VẬT LIỆU KIM LOẠI VÀ LIÊN KẾT HÀN		
13.	Thử kéo	TCVN 197-1:2014, ASTM A370-24a	
14.	Thử uốn	TCVN 198:2008, ASTM A370-24a	
15.	Thử kéo vật liệu và kéo nguyên ống kim loại	TCVN 314:2008	
16.	Thử nghiệm thép làm cốt bê tông và bê tông dự ứng lực (thử kéo, thử uốn, thử uốn lại)	TCVN 7937:2013, TCVN 197-1:2014	
17.	Thử nghiệm thép thanh cốt thép bê tông - thử uốn và uốn lại	TCVN 6287:1997	

18.	Thử phá hủy mối hàn vật liệu kim loại-Thử uốn	TCVN 5401:2010	
19.	Thử phá hủy mối hàn vật liệu kim loại-Thử kéo ngang	TCVN 8310:2010	
20.	Thử phá hủy mối hàn vật liệu kim loại-Thử kéo dọc	TCVN 8311:2010	
21.	Thử nghiệm mối nối bằng ống ren (coupler)	TCVN 8163:2009	
III	THỬ NGHIỆM CỐT LIỆU BÊ TÔNG VÀ VỮA		
22.	Lấy mẫu	TCVN 7572-1:2006	
23.	Xác định thành phần hạt và mô đun độ lớn	TCVN 7572-2:2006	
24.	Xác định độ ẩm, độ hút nước	TCVN 7572-7:2006	
25.	Xác định cường độ và hệ số hóa mềm của đá gốc	TCVN 7572-10:2006	
26.	Xác định hàm lượng hạt thoi dẹt trong cốt liệu lớn	TCVN 7572-13:2006	
27.	Xác định hàm lượng sunfat, sunfit trong cốt liệu nhỏ	TCVN 7572-16:2006	
28.	Xác định hàm lượng hạt mềm yếu và phong hóa	TCVN 7572-17:2006	
29.	Xác định hàm lượng hạt bị đập vỡ	TCVN 7572-18:2006	
30.	Xác định hàm lượng mica	TCVN 7572-20:2006	
IV	THỬ NGHIỆM CƠ LÝ VẬT LIỆU BỘT KHOÁNG TRONG BÊ TÔNG NHỰA		
31.	Xác định thành phần hạt	TCVN 12884-2:2020	
32.	Xác định độ ẩm	TCVN 12884-2:2020	
33.	Xác định khối lượng riêng của bột khoáng	TCVN 8735:2012	
34.	Xác định chỉ số dẻo của bột khoáng	TCVN 4197:2012	
35.	Xác định hệ số hao nước	TCVN 12884-2:2020	
V	THỬ NGHIỆM TẠI HIỆN TRƯỜNG		
36.	Xác định dung trọng, độ ẩm của đất bằng phương pháp dao dai.	TCVN 12791:2020, TCVN 8729:2012	
37.	Xác khối lượng thể tích, độ ẩm của đất tại hiện trường bằng phương pháp rót cát	22 TCN 346-06, TCVN 8730:2012	

38.	Xác định mô đun đàn hồi chung của kết cấu bằng cần đo võng Belkenman	TCVN 8867:2011	
39.	Xác định độ nhám mặt đường bằng phương pháp rắc cát	TCVN 8866:2011	
40.	Xác định cường độ nén bằng súng bật nảy	TCVN 9334:2012	
41.	Xác định cường độ bê tông bằng súng bật nảy kết hợp phương pháp siêu âm	TCVN 9335:2012	
42.	Siêu âm xác định cường độ chịu nén bê tông	TCVN 13536:2022	
43.	Xác định độ đồng nhất bê tông, bê tông bằng phương pháp siêu âm	TCVN 13537:2022	
44.	Xác định chiều dày lớp bê tông bảo vệ, vị trí và đường kính cốt thép trong bê tông bằng điện từ	TCVN 9356:2012	
45.	Xác định độ lún công trình dân dụng và công nghiệp bằng phương pháp đo cao hình học	TCVN 9360:2012	
46.	Xác định chuyển vị ngang bằng phương pháp trắc địa	TCVN 9399:2012	
VI	THỬ NGHIỆM GẠCH ĐẤT SÉT NUNG		
47.	Kiểm tra kích thước và khuyết tật ngoại quan	TCVN 6355-1:2009	
48.	Xác định cường độ nén	TCVN 6355-2:2009	
49.	Xác định cường độ uốn	TCVN 6355-3:2009	
50.	Xác định độ hút nước	TCVN 6355-4:2009	
51.	Xác định khối lượng thể tích, khối lượng riêng	TCVN 6355-5:2009	
52.	Xác định độ rỗng	TCVN 6355-6:2009	
VII	THỬ NGHIỆM GẠCH XI MĂNG LÁT NỀN		
53.	Kiểm tra kích thước và khuyết tật ngoại quan	TCVN 6065:1995	
54.	Xác định độ hút nước	TCVN 6065:1995	
55.	Xác định lực uốn gãy toàn viên	TCVN 6065:1995	
VIII	THỬ NGHIỆM CƠ LÝ GẠCH BÊ TÔNG		
56.	Xác định kích thước hình học, màu sắc và khuyết tật ngoại quan	TCVN 6477:2016	
57.	Xác định cường độ chịu nén	TCVN 6477:2016	
58.	Xác định độ rỗng	TCVN 6477:2016	

59.	Xác định độ thấm nước	TCVN 6477:2016	
60.	Xác định độ hút nước	TCVN 6477:2016	
IX	THỬ NGHIỆM CƠ LÝ GẠCH BÊ TÔNG TỰ CHÈN		
61.	Xác định kích thước hình học, màu sắc và khuyết tật ngoại quan	TCVN 6476:1999	
62.	Xác định cường độ nén	TCVN 6476:1999	
63.	Xác định độ hút nước	TCVN 6355-4:2009	
64.	Xác định độ mài mòn	tCVN 6065:1995	
X	THỬ NGHIỆM CƠ LÝ GẠCH TERAZO		
65.	Kiểm tra kích thước và khuyết tật ngoại quan	TCVN 7744:2013	
66.	Xác định độ bền uốn	TCVN 6355-3:2009	
67.	Xác định độ hút nước bề mặt	TCVN 7744:2013	
XI	THỬ NGHIỆM CƠ LÝ ĐẤT, ĐÁ TRONG PHÒNG		
68.	Xác định khối lượng riêng (tỷ trọng)	TCVN 4195:2012	
69.	Xác định độ ẩm và độ hút ẩm	TCVN 4196:2012	
70.	Xác định giới hạn dẻo, giới hạn chảy	TCVN 4197:2012	
71.	Xác định thành phần cỡ hạt.	TCVN 4198:2014	
72.	Xác định sức chống cắt trên máy cắt phẳng	TCVN 4199:1995	
73.	Xác định tính nén lún trong điều kiện không nở hông	TCVN 4200:2012	
74.	Xác định độ chặt tiêu chuẩn trong phòng thí nghiệm, thí nghiệm đầm nén proctor	TCVN 4201:2012, TCVN 12790:2020	
75.	Xác định khối lượng thể tích (dung trọng) của đất trong phòng thí nghiệm	TCVN 4202:2012	
76.	Xác định đặc trưng nở của đất	TCVN 8719:2012	
77.	Xác định đặt trung tan rã của đất	TCVN 8718:2012	
78.	Xác định khối lượng thể tích khô lớn nhất và nhỏ nhất của đất rời	TCVN 8721:2012	

Ghi chú (*): Các tiêu chuẩn kỹ thuật dùng cho các phép thử được liệt kê đầy đủ, bao gồm tiêu chuẩn Việt Nam và nước ngoài (nếu có). Khi có phiên bản mới về tiêu chuẩn kỹ thuật thay thế tiêu chuẩn cũ, phải áp dụng tiêu chuẩn mới tương ứng.